

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ - ST.

Ngày: 07/5/2024.

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Trường.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Phạm Xuân Vinh.

Chức vụ: Nguyên trưởng phòng Giáo dục huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

2/. Bà Lê Thị Thu Hiền.

Chức vụ: Phó giám đốc nhà văn hóa huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Hòa Bình.

Là: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*

Bà Bùi Thị Thu Hương. Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 07/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2024. Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2024 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị N. Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố 15, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Võ Văn G. Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ dân phố 15, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2023, bản tự khai ngày 24/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với ông Võ Văn G vào năm 2002 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 14/3/2002.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến tháng 6 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng

sống không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, mặc dù tôi đã nhiều lần cố gắng thay đổi và khuyên bảo ông G cùng làm ăn, nuôi dạy con nhưng vẫn không có kết quả, người nào biết bổn phận người đó. không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy tôi có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với ông Võ Văn G.

- Về con chung: Bà Phan Thị N xác nhận, trong quá trình chung sống bà và ông Võ Văn G có 04 (bốn) con chung, các cháu tên là Võ Văn Q, sinh ngày 22/12/2003; Võ Thị Diệu H, sinh ngày 31/8/2005; Võ Thị Diệu T, sinh ngày 04/4/2009 và cháu Võ Phan Trung N, sinh ngày 17/02/2012.

Bà N có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu là Võ Thị Diệu T, sinh ngày 04/4/2009 và cháu Võ Phan Trung N, sinh ngày 17/02/2012 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Trong đơn khởi kiện bà N yêu cầu ông Võ Văn G phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu Võ Phan Trung N mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn đủ 18 tuổi, tại phiên tòa hôm nay bà N xin thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật để buộc ông Võ Văn G phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu Võ Phan Trung N mỗi tháng 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Nguyễn đủ 18 tuổi.

Đối với hai cháu là Võ Văn Q, sinh ngày 22/12/2003 và Võ Thị Diệu H, sinh ngày 31/8/2005 hiện nay hai cháu đã thành niên và đã sống tự lập được, vì vậy tôi không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Phan Thị N không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Văn G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Võ Văn G.

Ngày 15/4/2024 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc mở phiên tòa xét xử vụ án. Bị đơn ông Võ Văn G vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Võ Văn G vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị N, cho bà Phan Thị N được ly hôn với ông Võ Văn G.

- Về con chung: Căn cứ vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Giao các con chung là Võ Thị Diệu T, sinh ngày 04/4/2009 và cháu Võ Phan Trung N, sinh ngày 17/02/2012 cho bà Phan Thị N trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu Trân và Nguyên đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Căn cứ vào các Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Buộc ông Võ Văn G phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu Võ Phan Trung N, sinh ngày 17/02/2012 mỗi tháng 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Nguyên đủ 18 tuổi.

Ông Võ Văn G được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Phan Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của bà Phan Thị N, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Võ Văn G. Tuy nhiên bị đơn ông Võ Văn G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Võ Văn G.

- Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị N và ông Võ Văn G quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau vào năm 2002 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 14/3/2002. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị N và ông Võ Văn G là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến tháng 6 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng

sống không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, mặc dù bà N đã nhiều lần cố gắng thay đổi và khuyên bảo ông G cùng làm ăn, nuôi dạy con nhưng vẫn không có kết quả, vợ chồng ai biết bổn phận người đó. không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Qua xác minh, làm việc với bà Trần Thị P là tổ trưởng tổ dân phố 15, thị trấn P, huyện K đã xác định: Vợ chồng ông Võ Văn G, bà Phan Thị N cư trú tại tổ dân phố 15, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng ông G, bà N thường xảy ra mâu thuẫn, xô xát nhưng không báo chính quyền địa phương nên chưa tổ chức hòa giải được. Bản thân bà P đã trực tiếp khuyên bảo bà N nhưng vẫn không có kết quả nên vợ chồng ông G, bà N không thể hòa thuận.

Ông Võ Văn G làm nông và buôn bán, thu nhập thuộc loại khá ở địa phương, còn bà Phan Thị N làm nghề nấu dịch vụ đám cưới, thu nhập ổn định.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà Phan Thị N, ông Võ Văn G đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với ông G, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho bà Phan Thị N được ly hôn với ông Võ Văn G.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà Phan Thị N, ông Võ Văn G có 04 (bốn) con chung, các cháu tên là Võ Văn Q, sinh ngày 22/12/2003; Võ Thị Diệu H, sinh ngày 31/8/2005; Võ Thị Diệu T, sinh ngày 04/4/2009 và cháu Võ Phan Trung N, sinh ngày 17/02/2012.

Bà N có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu là Võ Thị Diệu T, sinh ngày 04/4/2009 và cháu Võ Phan Trung N, sinh ngày 17/02/2012 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Văn G không tham gia tố tụng tại Tòa án nên không xác định được nguyện vọng và yêu cầu của ông Võ Văn G về con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao hai con chung là cháu Võ Thị Diệu T, sinh ngày 04/4/2009 và cháu Võ Phan Trung N, sinh ngày 17/02/2012 cho bà Phan Thị N trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu Trần và Nguyễn đủ 18 tuổi là hoàn toàn thỏa đáng, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần và cháu Nguyễn.

Đối với hai cháu là Võ Văn Q, sinh ngày 22/12/2003 và cháu Võ Thị Diệu H, sinh ngày 31/8/2005 hiện nay hai cháu đã thành niên và đã sống tự lập được, vì vậy bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà N yêu cầu ông Võ Văn G phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu Võ Phan Trung N mỗi tháng 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Nguyễn đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu về mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung của bà Nhung nêu trên là

phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Buộc ông Võ Văn G phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu Võ Phan Trung N mỗi tháng 1.800.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn đủ 18 tuổi.

Ông Võ Văn G được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Phan Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

#### **Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị N được ly hôn với ông Võ Văn G.

[2] Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Võ Thị Diệu T, sinh ngày 04/4/2009 và cháu Võ Phan Trung N, sinh ngày 17/02/2012 cho bà Phan Thị N trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu Trân và Nguyễn đủ 18 tuổi.

Đối với hai cháu là Võ Văn Q, sinh ngày 22/12/2003 và cháu Võ Thị Diệu H, sinh ngày 31/8/2005 hiện nay hai cháu đã thành niên và đã sống tự lập được, vì vậy bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Võ Văn G phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu Võ Phan Trung N, sinh ngày 17/02/2012 mỗi tháng 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Nguyễn đủ 18 tuổi.

Ông Võ Văn G được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Phan Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc nguyên đơn bà Phan Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Phan Thị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0005454, ngày 29/12/2023.

Buộc bị đơn ông Võ Văn G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Phan Thị N (có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Võ Văn G (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Pắc
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc.
- Các đương sự;
- UBND phường S, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**Phạm Hồng Trường**